

*
Số 12 -QĐ/HU

QUY ĐỊNH
về công tác quy hoạch cán bộ

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 11-QĐ/TU ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; Hướng dẫn số 08-HD/BTCTU ngày 25/4/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ;

Thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy Cát Tiên khoá VIII, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Quy định số 02-QĐ/HU ngày 02/5/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Kết luận số 967-KL/HU ngày 06/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy;

Ban Thường vụ Huyện ủy quy định về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực, thẩm quyền, trách nhiệm, phương pháp, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, cơ cấu, số lượng, quy trình, quản lý và công khai trong công tác quy hoạch cán bộ; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong huyện.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở huyện với cấp xã, địa bàn và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đấu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5

năm), tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

4. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ cấp huyện.

5. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, công chức, viên chức; một cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy trình quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ cấp huyện, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch

- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Bí thư Huyện ủy, Phó Bí thư Huyện ủy; Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Chủ tịch HĐND huyện, Chủ tịch UBND huyện; Phó Chủ tịch HĐND huyện, Phó Chủ tịch UBND huyện.

- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý bao gồm: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện do Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện quy

hoạch; các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý còn lại do các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện quy trình quy hoạch, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, phê duyệt.

- Các chức danh quy hoạch (Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội xã, thị trấn; Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Ủy viên UBKT Đảng ủy; Bí thư, Phó bí thư chi bộ cơ quan hành chính sự nghiệp trực thuộc Đảng ủy) thuộc diện Đảng ủy xã, thị trấn trực tiếp quản lý và phê duyệt quy hoạch theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thực hiện theo Phụ lục 1C và Phụ lục 1D kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý thực hiện theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

- Các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ Đảng ủy các xã, thị trấn căn cứ vào Phụ lục 1 của Quy định này để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ, giai đoạn theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Huyện ủy

- Xây dựng và đề xuất, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND huyện.

- Phê duyệt quy hoạch: Chức danh Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ huyện; Trưởng, Phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy; Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Trưởng, phó các ban của HĐND huyện; Trưởng, Phó Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội huyện, các phòng, ban cấp huyện; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy, Bí thư, phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND xã, thị trấn; cấp ủy, bí thư, phó bí thư các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc. Trưởng, Phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện.

- Ban Thường vụ Huyện ủy ủy quyền cho Thường trực Huyện ủy hiệp y quy hoạch cấp trưởng, cấp phó các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn (khi có văn bản đề nghị).

2. Đảng ủy các xã, thị trấn

Phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng ủy theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 6. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của Ban Thường vụ Huyện ủy

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TU ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; Hướng dẫn số 08-HD/BTCTU ngày 25/4/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ.

- Tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại huyện. Xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh quy hoạch thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh quy hoạch thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, bao gồm: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Bí thư Huyện ủy, Phó Bí thư Huyện ủy; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và phê duyệt quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

- Định kỳ hằng năm, lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch đề kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện quy định của Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý.

- Thực hiện quy trình nhân sự, nhận xét, đánh giá theo phân cấp quản lý cán bộ và trình Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy phê duyệt quy hoạch chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý, cụ thể:

+ Tập thể lãnh đạo Thường trực Hội đồng nhân dân huyện: Thực hiện quy trình quy hoạch (theo Phụ lục 2 Quy định này) đối với chức danh Trưởng, Phó các

ban của HĐND huyện (theo mục II, III Phụ lục 1 Quy định này), báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy (*qua Ban Tổ chức Huyện ủy*) phê duyệt quy hoạch.

+ Tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện: Nhận xét, đánh giá, đề nghị nhân sự quy hoạch và đề xuất, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy (*qua Ban Tổ chức Huyện ủy*) phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, Phó các phòng, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện.

+ Tập thể lãnh đạo phòng, ban, ngành các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện: Thực hiện quy trình quy hoạch (theo Phụ lục 2 Quy định này) đối với chức danh cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện (theo mục II, III Phụ lục 1 Quy định này), báo cáo UBND huyện cho ý kiến và trình Ban Thường vụ Huyện ủy phê duyệt quy hoạch.

+ Tập thể lãnh đạo các cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy; Trung tâm Chính trị huyện; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện: Thực hiện quy trình quy hoạch (theo Phụ lục 2 Quy định này) đối với chức danh cấp trưởng, cấp phó các cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy; Trung tâm Chính trị huyện; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện; Ủy viên UBKT Huyện ủy (theo mục II, III, IV Phụ lục 1 Quy định này), báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy (*qua Ban Tổ chức Huyện ủy*) phê duyệt quy hoạch.

+ Đảng ủy các xã, thị trấn: Thực hiện quy trình quy hoạch (theo Phụ lục 2 Quy định này) đối với các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (theo mục V, VI, VII, VIII, IX Phụ lục 1 Quy định này), báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy (*qua Ban Tổ chức Huyện ủy*) phê duyệt quy hoạch. Thực hiện quy hoạch và phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Đảng ủy quản lý.

+ Chi bộ, Đảng bộ trực thuộc Huyện ủy: Thực hiện quy trình quy hoạch (theo Phụ lục 2 theo Quy định này) đối với các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành (đối với Đảng bộ), Chi ủy viên (đối với Chi bộ), Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy (theo mục X, XI Phụ lục 1 Quy định này), báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy (*qua Ban Tổ chức Huyện ủy*) phê duyệt quy hoạch.

- Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch, tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh quy hoạch và yêu cầu, nhiệm vụ để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ tạo điều kiện để cán bộ phấn đấu, rèn luyện, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và sắp xếp, bố trí cán bộ phải căn cứ vào quy hoạch cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ hằng năm, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện việc rà soát, đánh giá chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Huyện ủy

- Tham mưu thực hiện quy trình quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; giúp Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Trình Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ được phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

- Tổng kết, sơ kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

4. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Huyện ủy và cơ quan liên quan

- Phối hợp Ban Tổ chức Huyện ủy thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, trao đổi thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy.

Điều 7. Phương pháp và thời điểm quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai của nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch của nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong quý I và báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch trong quý II, chậm nhất tháng 6; trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

2. Đối với các tổ chức hội, đoàn thể nhân dân khác được Đảng, Nhà nước giao biên chế, việc xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cũng thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

- Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm.

- Về trình độ lý luận chính trị:

+ Cán bộ quy hoạch chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm.

+ Cán bộ quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý: Có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

- Chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn: Kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý nhà nước...

2. Về độ tuổi

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm Ban tổ chức Huyện ủy nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

4. Phương pháp tính tuổi quy hoạch

Tuổi quy hoạch được xác định theo tinh thần Kết luận số 08-KL/TW, ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 26/7/2021 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể như sau:

- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Thời điểm tính tuổi: Kế thừa cách tính thời điểm được quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, cụ thể:

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030: Cấp xã tháng 4/2025, Cấp huyện tháng 6/2025.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031: Tháng 5/2026.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 5 năm (60 tháng).

- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 72 tháng (06 năm) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định và thực hiện như phương pháp nêu trên.

(Có Phụ lục 3 về xác định tuổi quy hoạch đối với các chức danh cụ thể kèm theo)

Điều 9. Hệ số, số lượng và cơ cấu

1. Về hệ số, số lượng

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Số lượng chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 3 cán bộ; Một cán bộ quy hoạch không quá 3 chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp).

2. Về cơ cấu

- Phân đầu cơ cấu, tỉ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi đối với cấp huyện, dưới 35 tuổi đối với cấp xã) từ 15% trở lên.

- Tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch: Bảo đảm tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch từ 25% trở lên so với danh sách quy hoạch (*đối với một số ngành đặc thù, tỷ lệ nữ có thể từ 20% đến 25%*). Đồng thời, thực hiện chủ trương phải có cán bộ nữ trong cơ cấu lãnh đạo.

- Cơ cấu cán bộ dân tộc thiểu số: Ở những địa phương, đơn vị có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo cơ cấu cán bộ dân tộc thiểu số ít nhất 10% so với danh sách quy hoạch.

- Cơ cấu ngành nghề: theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và đặc điểm của từng địa phương, đơn vị.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình:

1.1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ.

1.2. Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc từ nguồn nhân sự từ cơ quan, đơn vị, địa phương khác.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thực hiện theo Phụ lục 1C, 1D Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý thực hiện theo Phụ lục 2 Quy định này.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền của Đảng ủy xã, thị trấn quản lý: Đảng ủy xã, thị trấn căn cứ vào Phụ lục 2 Quy định này để quy định cụ thể cho phù hợp.

2. Hồ sơ nhân sự quy hoạch: Thực hiện theo Phụ lục 4 Quy định này.

Điều 11. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết để quản lý, sử dụng quy hoạch và rèn luyện, phấn đấu.

2. Quản lý quy hoạch

Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy (*qua Ban Tổ chức Huyện ủy*) kết quả phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ; kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh thuộc quyền quản lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng điều động, bố trí cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 12. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (*đối với cá nhân*) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc chuyển công tác ra ngoài địa phương thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác quy hoạch cán bộ, có trách nhiệm cụ thể hoá cho phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị nhưng không trái với Quy định này.

2. Ban Tổ chức Huyện ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định của Ban Thường vụ Huyện ủy.

3. Quy định về công tác quy hoạch cán bộ (kèm theo các phụ lục) có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và thay thế những văn bản trước đây có liên quan đến công tác quy hoạch cán bộ.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Ban Thường vụ Huyện ủy,
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy,
- Trung tâm Chính trị huyện,
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện,
- Các Tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Lưu: VPHU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nguyễn Khắc Bình



PHỤ LỤC 1

ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH

(Kèm theo Quy định số 12-QĐ/HU ngày 20/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I. QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN

1. Đối tượng 1: Cấp phó các ban xây dựng Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Phó Chánh Văn phòng Huyện ủy; cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện (*cấp phó phải được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, thị trấn (*Phó Bí thư phải được quy hoạch chức danh Bí thư*).

Các đồng chí giữ chức vụ phó các ban đảng (*có cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đối với chức danh phó ban*) thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng. Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; chuyên viên các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện được quy hoạch chức vụ phó các ban đảng (*có cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đối với chức danh phó ban*)

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II. QUY HOẠCH CẤP TRƯỞNG CÁC PHÒNG, CƠ QUAN, BAN, NGÀNH, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CẤP HUYỆN

1. Đối tượng 1: Cấp phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện; Phó Bí thư Đảng ủy xã, thị trấn; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; Hiệu trưởng các trường học thuộc UBND huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; chuyên viên các phòng, ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; Phó Hiệu trưởng các trường học thuộc UBND huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III. QUY HOẠCH CẤP PHÓ CÁC PHÒNG, CƠ QUAN, BAN, NGÀNH, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CẤP HUYỆN

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; chuyên viên các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; Phó Hiệu trưởng các trường học thuộc UBND huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và công chức xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV. QUY HOẠCH ỦY VIÊN ỦY BAN KIỂM TRA HUYỆN ỦY

1. Đối tượng 1: Chuyên viên các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện; Trưởng Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội xã, thị trấn.

2. Đối tượng 2: Công chức xã, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

V. QUY HOẠCH BÍ THƯ ĐẢNG ỦY XÃ, THỊ TRẤN

1. Đối tượng 1: Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; cấp phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VI. QUY HOẠCH PHÓ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY, CHỦ TỊCH HĐND, CHỦ TỊCH UBND XÃ, THỊ TRẤN

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, chuyên viên các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, thị trấn; cấp trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VII. QUY HOẠCH ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY XÃ, THỊ TRẤN

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội xã, thị trấn; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, chuyên viên các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện.

2. Đối tượng 2: Công chức xã, thị trấn *(phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1)*.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

VIII. QUY HOẠCH PHÓ CHỦ TỊCH HĐND, PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ, THỊ TRẤN

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ; trưởng Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội xã, thị trấn; chuyên viên các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện.

2. Đối tượng 2: Công chức xã, thị trấn; cấp phó Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội xã, thị trấn; *(phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1)*.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

IX. QUY HOẠCH ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ, THỊ TRẦN

1. Đối tượng 1: Trưởng Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, công chức xã, thị trấn.

2. Đối tượng 2: Cán bộ không chuyên trách xã, thị trấn; Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên

X. QUY HOẠCH BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ CHI BỘ CƠ SỞ, ĐẢNG BỘ CƠ SỞ; ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY CƠ SỞ LOẠI HÌNH CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

XI. QUY HOẠCH ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CƠ SỞ, CHI ỦY VIÊN CHI BỘ CƠ SỞ LOẠI HÌNH CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Đối tượng: Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

XII. QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY ĐƠN VỊ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG: Thực hiện theo quy định của ngành.

**PHỤ LỤC 2**
QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO,
QUẢN LÝ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUẢN LÝ
(Kèm theo Quy định số 12 - QĐ/HU, ngày 12/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I. Quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ

1. Đối với quy hoạch Ban chấp hành Đảng bộ huyện

Bước 1: Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến giới thiệu quy hoạch

Căn cứ Quy định về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo Ban Tổ chức Huyện ủy thực hiện các công việc sau: (1) Tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ. (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch.

Bước 2: Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của Ban Tổ chức Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Bước 3: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Thành phần: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Chủ tịch, phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận, đoàn thể cấp huyện; Bí thư, phó Bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện ủy; Bí thư, phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện

- Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, Ban chấp hành Đảng bộ huyện tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín)

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 5: Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy (lần 2)

- Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, Ban Thường vụ Huyện ủy tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

2. Đối với quy hoạch trưởng, phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể huyện và Chi bộ, Đảng bộ cơ sở

Bước 1: Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến giới thiệu quy hoạch

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức cơ sở đảng, địa phương thực hiện các công việc sau: (1) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ. (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

- Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức cơ sở đảng thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

- Thành phần:

+ Đối với các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp huyện: Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

+ Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Tập thể Ban Thường trực.

+ Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội huyện: Tập thể Ban Thường vụ.

+ Đối với các xã, thị trấn: Tập thể Ban chấp hành Đảng bộ xã, thị trấn.

+ Đối với Đảng bộ Quân sự, Công an, Trung tâm Y tế: Tập thể Ban chấp hành Đảng bộ.

+ Đối với các chi bộ trực thuộc Huyện ủy: Tập thể Cấp ủy

Bước 3: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Thành phần:

+ Đối với các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp huyện: Tập thể lãnh đạo, cấp ủy và cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

+ Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Tập thể Ban Thường trực, cấp ủy và cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

+ Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội huyện: Tập thể Ban chấp hành, cấp ủy và cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

+ Đối với các xã, thị trấn: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ; cấp trưởng, cấp phó Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; cán bộ, công chức cấp xã; bí thư, phó bí thư các chi bộ trực thuộc.

+ Đối với Đảng bộ Quân sự, Công an, Trung tâm Y tế : Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ; Bí thư, Phó bí thư chi bộ trực thuộc; cấp trưởng, cấp phó các bộ phận trực thuộc; Trưởng, phó các đoàn thể (nếu có)

+ Đối với các chi bộ trực thuộc Huyện ủy: Toàn thể đảng viên.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Lưu ý: Các cơ quan, đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức dưới 30 người, phải tổ chức lấy phiếu của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

Bước 4: Tổ chức hội nghị lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín)

- Thành phần

+ Đối với các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp huyện: Tập thể lãnh đạo, cấp ủy chi bộ, lãnh đạo đoàn thể (nếu có).

+ Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Tập thể Ban Thường trực và cấp ủy.

+ Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội huyện: Tập thể Ban chấp hành và cấp ủy.

+ Đối với các xã, thị trấn: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; bí thư các chi bộ trực thuộc.

+ Đối với Đảng bộ Quân sự, Công an, Trung tâm Y tế: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ; Bí thư chi bộ trực thuộc; cấp trưởng các bộ phận trực thuộc; Trưởng các đoàn thể (nếu có).

+ Đối với các chi bộ trực thuộc Huyện ủy: Tập thể cấp ủy; trưởng, phó các bộ phận của cơ quan, đơn vị; lãnh đạo đoàn thể (nếu có).

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 5: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

- Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Thành phần: Như ở bước 2

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

II. Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm

1. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền, tập thể lãnh đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín)

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

2. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ của Ban Thường vụ Huyện ủy; cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương có liên quan thực hiện các công việc sau:

- Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác.

- Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

III. Một số điểm lưu ý trong thực hiện quy trình quy hoạch cán bộ

1. Tại hội nghị cán bộ chủ chốt (*bước 3 của quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ và bước 2 của quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ*): Các đồng chí có đủ điều kiện tiêu chuẩn giới thiệu quy hoạch (*rà soát, bổ sung quy hoạch*) thuộc đối tượng 1, đối tượng 2 phải đưa vào danh sách để các đại biểu tham dự hội nghị lựa chọn giới thiệu.

2. Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

3. Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 (xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp) và ở bước 4 (rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.

5. Đối với các các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện thực hiện quy trình quy hoạch cán bộ, quản lý của cơ quan đơn vị mình, xây dựng báo cáo phương án quy hoạch cán bộ trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét. Trên cơ sở đề xuất phương án quy hoạch của các cơ quan đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy phê duyệt quy hoạch theo quy định.

6. Đối với Chi bộ không có cấp ủy (*chỉ có Bí thư, Phó Bí thư chi bộ hoặc chỉ có Bí thư*)

- Thực hiện quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ: Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ xây dựng kế hoạch, thống nhất nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình hội nghị đảng viên xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch. Căn cứ kết quả tại hội nghị đảng viên Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ tổng hợp báo cáo phương án quy hoạch cán bộ lãnh đạo của chi bộ trình Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét phê duyệt quy hoạch.

- Thực hiện quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ: Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ rà soát danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại hội nghị đảng viên và danh sách đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Căn cứ kết quả tại hội nghị đảng viên Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ tổng hợp báo cáo phương án quy hoạch cán bộ lãnh đạo của chi bộ trình Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét phê duyệt quy hoạch.

**PHỤ LỤC 3**
XÁC ĐỊNH TUỔI ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH
(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/HU, ngày 28/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I. Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 1

1. Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của Đảng, Ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2025-2030

Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 4/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây ²
Huyện	Sinh từ tháng 6/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây ³

2. Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031

Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước các cấp (cùng một thời điểm)	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031	
	Nam	Nữ
	Sinh từ tháng 5/1969 trở lại đây ⁴	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ⁵

3. Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 60 tháng).

(1)- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2029-2034 (cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029).

¹ **Lưu ý:** (1) Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định. (2) Cán bộ nữ không thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn thì việc xác định tuổi quy hoạch tương ứng ở cột độ tuổi của nữ.

² **Ví dụ 1:** Đồng chí Nguyễn Thị A (nữ) sinh tháng 01/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 3 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2025) = 5 năm 01 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 12).

³ **Ví dụ 2:** Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 02/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2025) = 5 năm công tác.

⁴ **Ví dụ 3:** Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1969, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi thực tế tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

⁵ **Ví dụ 4:** Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029-2034	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ⁶
Huyện	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ⁷	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ⁸

(2)- Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026-2031 (cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026).

Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 (đối với cấp xã, huyện)
Xã	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ⁹
Huyện	Sinh từ tháng 10/1972 trở lại đây ¹⁰

(3)- Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028).

Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹¹
Huyện	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ¹²

⁶ Ví dụ 5: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 6 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 3/2029) = **5 năm 02 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 8/1974, thì thiếu 03 tháng).

⁷ Ví dụ 6: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **62 tuổi - 57 tuổi** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = **5 năm** công tác.

⁸ Ví dụ 7: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = **5 năm** công tác.

⁹ Ví dụ 8: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 7 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2026) = **5 năm 1 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 8/1972, thì thiếu 04 tháng).

¹⁰ Ví dụ 9: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 10/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2026) = **5 năm** công tác.

¹¹ Ví dụ 10: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 6/2028) = **5 năm** công tác.

(4)- Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028).

Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1974 trở lại đây ¹³
Huyện	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹⁴

(5)- Chức danh lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2027-2032 (cấp xã tháng 5/2027, cấp huyện tháng 8/2027).

Độ tuổi quy hoạch đối với các chức danh cán bộ Đoàn ở các cấp (chờ Ban Bí thư Trung ương Đoàn xác định cụ thể cơ bản thực hiện theo nguyên tắc nêu trên, đồng thời bảo đảm đồng bộ với độ tuổi cán bộ Đoàn theo Quyết định số 289-QĐ/TW, ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư).

II. Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2

Độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2 được xác định: Độ tuổi của đối tượng 1 (của chức danh tương ứng nêu tại Phần I) cộng thêm 5 năm (60 tháng).

III. Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với cả 2 đối tượng

Việc xác định độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp và nhiệm kỳ hiện tại tại cơ bản thực hiện như phương pháp tính nêu tại mục 5, phần II của Kế hoạch. Vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2; đối với rà soát bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 72 tháng và ít nhất 120 tháng đối với đối tượng 2.

¹² Ví dụ 11: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 5/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 9/2028) = 5 năm công tác.

¹³ Ví dụ 12: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 01/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 5/2028) = 5 năm công tác.

¹⁴ Ví dụ 13: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2028) = 5 năm công tác.

PHỤ LỤC 4

DANH MỤC HỒ SƠ QUY HOẠCH

(Kèm theo Quy định số 12-QĐ/HU, ngày 20/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I. Hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Tờ trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch
2. Biên bản hội nghị và các biên bản kiểm phiếu giới thiệu quy hoạch; bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước.
3. Danh sách cán bộ quy hoạch các chức danh có kèm theo phân tích chất lượng.
4. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
5. Báo cáo kết quả quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý

II. Danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch

Cá nhân các đồng chí trong quy hoạch lập 02 bộ hồ sơ (01 bộ gửi cho cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch; một bộ lưu tại cơ quan, đơn vị quy hoạch) thống nhất khổ giấy A4, bỏ vào túi đựng hồ sơ và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Sơ yếu lý lịch theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6.
2. Nhận xét, đánh giá của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
3. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng (cá nhân kê khai bản khai lý lịch chính trị nội bộ theo mẫu).
4. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).
5. Bản sao có công chức các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị...
6. Quyết định bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức; quyết định bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức

*** Lưu ý:** Các tài liệu nêu trên không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.